TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/DS-PT
Ngày: 21-5-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang; bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và thừa kế tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 81/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1928, cư trú tại: Ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đã chết trước khi xét xử phúc thẩm.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị L cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm:

+ Bà Phạm Thị G (tên thường gọi là L), sinh năm 1947, cư trú tại: Ấp P1, xã H1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Phạm Thị X, sinh năm 1951, cư trú tại: Ấp H2, xã H1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Ông Phạm Văn N, sinh năm 1950, cư trú tại: Ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1962, cư trú tại: Ấp C1, xã Đ1, huyện C2, Thành phố Hồ Chi Minh, có mặt.

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp C1, xã Đ1, huyện C2, Thành phố Hồ Chi Minh, có mặt.

+ Ông Phạm Văn H, sinh năm 1970, cư trú tại: Ấp X, xã T2, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

+ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1974, cư trú tại: Ấp L2, xã Đ1, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt, có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tường O, sinh năm 1975, cư trú tại: Ấp X, xã T2, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy ủy quyền ngày 13-5-2019, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L3, sinh năm 1972, cư trú tại: Ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích L3: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1973, cư trú tại: Ấp L2, xã M, huyện C2, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05-12-2018, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Cháu Phạm Nguyễn Trọng H, sinh năm 2004, cư trú tại: Ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Nguyễn Trọng H: Bà Nguyễn Thị Bích L3, sinh năm 1972, cư trú tại: Ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, là mẹ của cháu H, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Nguyễn Thị Tường O trình bày:

Ông Phạm Văn T1 là con ruột của bà Trần Thị L, là chồng của bà Nguyễn Thị Bích L3, ông T1 được bà L cho một phần đất thổ cư và đất ruộng, đã chuyển nhượng hết đất được cho. Vợ chồng ông T1 sống chung, chăm sóc bà L trong ngôi nhà Đại đoàn kết do Nhà nước cấp cho bà L vào năm 2003, bà L thêm tiền xây thành nhà theo hình "L", trên 625,2 m^2 đất tọa lạc tại ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02675 QSDĐ/I2 ngày 26-12-1994, do Ủy ban nhân dân huyện B cấp, bà Trần Thị L đứng tên.

Năm 2007, ông T1 cần vốn làm ăn nên xin bà L cho đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn ngân hàng. Bà L chấp nhận với điều kiện vợ chồng ông T1 phải chăm sóc bà đến hết đời và chỉ cho để thế chấp vay vốn, không cho luôn.

Ngày 30-11-2007, bà L ký hợp đồng tặng cho ông T1 625,2 m^2 đất nêu trên và ông T1 được sang tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H02125 ngày 10-3-2008. Ông T1 mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay vốn ngân hàng, nhà và đất bà L vẫn sử dụng.

Ngày 17-3-2017, ông T1 chết, nợ ngân hàng cũng đã trả xong nhưng bà L3 không trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không sống chung, không chăm sóc bà L.

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho đất cho ông T1, yêu cầu bà L3 trả lại quyền sử dụng đất.

Trên đất bà L có cho vợ chồng ông T1 xây một căn nhà cấp 4 làm quán bán bánh canh và một chuồng heo xây gạch không tô xi măng. Chuồng heo đã hư, bỏ không sử dụng, quán bán bánh canh vẫn còn giá trị sử dụng nên bà chấp nhận bồi thường cho bà L3 giá trị tài sản trên đất với số tiền 50.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà L3 phản tố yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông T1, bà L không chấp nhận vì nhà, đất là của bà L. Nếu Tòa án buộc phải chia thừa kế thì yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L3, do bà Võ Thị Thanh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phần đất 625,2 m^2 bà L tranh chấp là tài sản bà L đã tặng cho ông T1 từ năm 2007, tuy bà L3 không đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng là tài sản ông T1 có được trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng, bà L3 là vợ nên được quyền sở hữu ½ diện tích đất, ½ diện tích còn lại là di sản thừa kế của ông T1. Ông T1 chết không để lại di chúc, cha của ông T1 là ông Phạm Văn L4 đã chết vào năm 1979, người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T1 gồm: Bà L, bà L3 và người con duy nhất của ông T1 là cháu Phạm Nguyễn Trọng H.

Bà L3 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L vì đất đã cho hợp pháp, trong hợp đồng tặng cho không ghi điều kiện gì. Yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông T1, bà chỉ chấp nhận chia cho bà L 1/6 giá trị đất là phần thừa kế bà L được hưởng của ông T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G trình bày:

Bà là con của bà L, cha bà là ông Phạm Văn L4 đã chết, là người thừa kế của ông L4, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất ngày 30-11-2007 vì bà L chỉ cho để ông T1 thế chấp vay vốn ngân hàng, nay trả nợ ngân hàng xong phải giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà L sang tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X: Thống nhất theo ý kiến của bà Phạm Thị G.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 81/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ Điều 166, 256, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà L3, về việc yêu cầu trả lại 625,2 m^2 đất, thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà L3 phải trả lại cho bà L 625,2 m^2 đất, thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, đất có tứ cận: Đông giáp đất bà Trần Thị V dài 32+12,6+9 m; Tây giáp đất ông S dài 32 m; Nam giáp đất ông S dài 25 m; Bắc giáp đường nhựa dài 15 m.

Bà L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4, mái hiên diện tích 5 x 3 m (quán), 01 chuồng heo diện tích 2,6 x 7 m và 01 chuồng heo diện tích 4 x 4,8 m.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L3 đối với bà L, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn T1 là 625,2 m^2 đất, thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 37, tọa lạc tại ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Buộc bà L phải thanh toán cho bà L3 522.012.000 (năm trăm hai mươi hai triệu, không trăm, mười hai nghìn) đồng .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22-12-2018, bà Trần Thị L kháng cáo, không chấp nhận việc bản án sơ thẩm đã xác định bà tặng cho luôn ông T1 625,2 m^2 đất vì nhà, đất dùng vào việc thờ cúng, chỉ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông T1 vay ngân hàng, nhà và đất bà L vẫn sử dụng.

Nếu Tòa án buộc phải xác định là tặng cho luôn thì cũng là tài sản riêng của ông T1, không tặng cho bà L3, yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-01-2019, bà Trần Thị L chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L gồm: Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X, bà Nguyễn Thị Tường O bà Nguyễn Thị Tường O

(đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị B) và bà Nguyễn Thị Bích L3 (do bà Võ Thị Thanh T đại diện theo ủy quyền), thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L với ông Phạm Văn T1, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30-11-2007, đối với phần đất diện tích 617,2 m^2, thuộc thửa 7564, tờ bản đồ 01, tương ứng thửa 37, tờ bản đồ 37, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02125 ngày 10-3-2008, ông Phạm Văn T1 đứng tên, diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 625,2 m^2, diện tích thực tế 580 m^2.

- Bà Nguyễn Thị Bích L3 giao trả quyền sử dụng diện tích 580 m^2 đất nêu trên cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị L gồm: Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X.

- Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

- Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X giao cho bà Nguyễn Thị Bích L3 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, giao cho cháu Phạm Nguyễn Trọng H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, đã giao nhận xong tại Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Bích L3 giao trả cho Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02125 ngày 10-3-2008, ông Phạm Văn T1 đứng tên, đã giao nhận xong tại Tòa án.

- Các đương sự thống nhất ông Phạm Văn T1 không có di sản thừa kế nên không tranh chấp, không yêu cầu chia.

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X tự nguyện chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và 1.100.000 đồng chi phí đo đạc, thẩm định lại trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, tổng cộng là 2.600.000 đồng, đã nộp xong nên ghi nhận.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300

của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và về xác định diện tích đất tranh chấp:

- Việc xác định họ, tên, năm sinh, địa chỉ của đương sự trong vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm xác định được Bản án sơ thẩm số: 81/2018/DSST ngày 10-12-2018, của Tòa án nhân dân huyện B có những sai sót như sau:

Bản án ghi bà "Phạm Thị Lai" là không đúng, tên đúng là "Phạm Thị G", tên thường gọi là "Lai";

Bản án ghi "Phạm Thị Liên" là không đúng, tên đúng theo giấy chứng minh nhân dân là "Phạm Thị B", tên thường gọi là "Liên";

Bản án ghi "Nguyễn Thị X" là không đúng, tên đúng theo giấy chứng minh nhân dân là "Phạm Thị X";

Ông Phạm Văn N sinh năm 1950 nhưng bản án sơ thẩm ghi sinh năm 1953 là không đúng;

Bà Phạm Thị Đ sinh năm 1962 nhưng bản án sơ thẩm ghi sinh năm 1955 là không đúng;

- Nơi cư trú của các đương sự bản án sơ thẩm ghi không đúng.

- Cháu Phạm Nguyễn Trọng H là người chưa thành niên, theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Dân sự, người đại diện theo pháp luật là cha, mẹ. Mẹ cháu H là bà Nguyễn Thị Bích L3 nhưng bản án sơ thẩm đưa bà Nguyễn Thị Tường O là thím của cháu H là người đại diện theo pháp luật của cháu H là không đúng.

- Về xác định diện tích đất tranh chấp:

Đất tranh chấp theo Hợp đồng tặng cho ngày 30-11-2007 ghi diện tích 617,2 m^2. Diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02125 ngày 10-3-2008, ông Phạm Văn T1 đứng tên là 625,2 m^2 nhưng qua đạc thực tế là 580 m^2. Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ theo diện tích thực tế mà ghi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, không thi hành án được.

Với những sai sót nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm cần phải sửa bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp xong nên ghi nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng tặng cho và đòi lại quyền sử dụng đất của bà Trần Thị L được Tòa án chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích L3 phải chịu 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị L là người cao tuổi, người có công với Cách Mạng, có đơn xin miễn án phí nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 81/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị X, bà Nguyễn Thị Tường O (đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị B) và bà Nguyễn Thị Bích L3 (do bà Võ Thị Thanh T đại diện theo ủy quyền) tại phiên tòa phúc thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L với ông Phạm Văn T1, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 30-11-2007, đối với phần đất diện tích 617,2 m^2 (ghi trong hợp đồng tặng cho), thuộc thửa 7564, tờ bản đồ 01, tương ứng thửa 37, tờ bản đồ 37, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02125 ngày 10-3-2008, ông Phạm Văn T1 đứng tên, diện tích ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 625,2 m^2, diện tích thực tế 580 m^2, tọa lạc tại: Ấp L1, xã T1, huyện B, tỉnh Tây Ninh, tứ cận: Đông giáp đất bà Trần Thị V dài 32+12,6+9 m; Tây giáp đất ông S dài 32 m; Nam giáp đất ông S dài 25 m; Bắc giáp đường nhựa dài 15 m.

- Bà Nguyễn Thị Bích L3 phải giao trả quyền sử dụng diện tích 580 m^2 đất nêu trên cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị L gồm: Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X.

- Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

- Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X giao cho bà Nguyễn Thị Bích L3 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, giao cho cháu Phạm Nguyễn Trọng H 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, đã giao nhận xong tại Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Bích L3 giao trả cho Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02125 ngày 10-3-2008, ông Phạm Văn T1 đứng tên, đã giao nhận xong tại Tòa án.

- Các đương sự thống nhất ông Phạm Văn T1 không có di sản thừa kế nên không tranh chấp, không yêu cầu chia.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án.

4. Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị X tự nguyện chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định, đã nộp xong.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích L3 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0009611 ngày 29-12-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích L3 2.200.000 (hai triệu, hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0009611 .

6. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị L được miễn.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TTN;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV. TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Đồng